TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 239/2023/HS-PT
Ngày 12/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1087/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Phan Anh C và Phan Anh M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 417/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phan Anh C, sinh năm 1970; giới tính: nam; ĐKHKTT: phòng 404 nhà số 50 phố C1, phường T, quận B, Thành phố H1; chỗ ở: số 04 phố B1, phường C2, quận H, Thành phố H1; nghề nghiệp: nguyên cán bộ ngành Công an; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Huy T1 và bà Lê Thị A; đã ly hôn vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Bản án số 558/2019/HSPT ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đang chấp hành án tại Trại giam S - Bộ Công an, được trích xuất về Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H1; có mặt.

2. Phan Anh M, sinh năm 1996; giới tính: nam; ĐKHKTT: phòng 404 nhà số 50 phố C1, phường T, quận B, Thành phố H1; chỗ ở: số 04 B1, phường C2, quận H, Thành phố H1; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Anh C và bà L; có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 21/01/2021 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố H1; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo do gia đình bị cáo mời: Luật sư Trịnh Cẩm B2 - Công ty Luật TNHH B3 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H1; vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo do Tòa án chỉ định: Luật sư Nguyễn Đình T2 - Công ty Luật TNHH N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H1; có mặt.

- Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Mạnh T3, sinh năm 1985; Nơi cư trú: số 37 đường Q, phường N1, quận T4, Thành phố H1; vắng mặt.

2. Ông Bùi Đình T5, sinh năm 1974; Nơi cư trú: số 60 B4, khu đô thị P 4, phường V, thành phố L1, tỉnh L1; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1979; nơi cư trú: xóm B5, xã T6, huyện T7, Thành phố H1; chỗ ở: Kiot 4 CT4B - X2 B6, phường Đ, quận H3, Thành phố H1; vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần quốc tế C4; địa chỉ: số 9 đường C3, tổ 12 phường H4, quận H3, Thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Phan Anh M; chức vụ: Tổng giám đốc (là bị cáo trong vụ án).

2. Công ty TNHH N2; địa chỉ: Trung tâm thương mại H5, số 36 H5, phường O, quận Đ1, Thành phố H1.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Tuấn M1, sinh năm 1968; nơi cư trú: số 8, tổ 29 phường Đ, quận H3, Thành phố H1; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH N2: Luật sư Trần Chí T8 thuộc Văn phòng Luật sư T9 - Đoàn Luật sư Thành phố H1; có mặt.

3. Ông T10, sinh năm 1960; nơi cư trú: số 8 ngõ 6 phố B7, phường T11, quận H3, Thành phố H1; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1970; nơi cư trú: phòng 304 B2 tập thể V1, phường T12, quận Đ1, Thành Phố H1; vắng mặt.

5. Ông Phan Huy T13, sinh năm 1953; nơi cư trú: số 33 ngõ 110 phố K, phường P2, quận H3, Thành phố H1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

I. Hành vi phạm tội của Phan Anh M, Phan Anh C liên quan đến đơn tố giác tội phạm của ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Mạnh T3.

Ngày 22/6/2020, Cơ quan An ninh điều tra - Công an thành phố H1 nhận được đơn tố giác tội phạm của ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Mạnh T3 cùng tố

cáo Phan Anh M là Tổng giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần quốc tế C4 lừa đảo chiếm đoạt tiền thông qua việc sử dụng con dấu giả thu tiền bán căn hộ tại Chung cư 35 tầng, thuộc Dự án xây dựng sân bay đỗ máy bay trực thăng phòng chống khủng bố trên nóc nhà cao tầng, nhà ở cán bộ chiến sỹ các cục nghiệp vụ Bộ Công an tại phường H4, quận H3, thành phố H1.

Kết quả điều tra xác định được như sau:

- *Về dự án nhà ở nêu trên:*Theo đề nghị của Vụ Tổ chức Cán bộ (X13 cũ) - Tổng cục III - Bộ Công an, ngày 05/3/2005, Uỷ ban nhân dân thành phố H1 có văn bản chấp thuận đề nghị về nguyên tắc cấp 10.000m^2 tại thôn T14, phường H4, quận H3, Thành phố H1 để lập Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sỹ thuộc X13. Năm 2006, Công ty cổ phần quốc tế là chủ đầu tư để xây dựng "Dự án khu nhà ở cán bộ chiến sĩ Vụ Tổ chức Cán bộ - Tổng cục III - Bộ Công an". Theo đó, dự án được phê duyệt gồm 68 căn hộ thấp tầng thuộc khối nhà liền kề với tổng diện tích 10.000m^2 nằm trên ô đất ký hiệu TT và 376 căn hộ cao tầng thuộc khối nhà chung cư ký hiệu CT1.

Do chưa đáp ứng được nhu cầu về nhà ở cho cán bộ chiến sỹ nên X13 đã phối hợp với các đơn vị liên quan xin điều chỉnh quy hoạch. Ngày 20/5/2011, UBND Thành phố H1 đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch từ 68 căn hộ thấp tầng lên thành 91 căn hộ và 512 căn hộ cao tầng, chủ đầu tư dự án trên Công ty cổ phần quốc tế C4.

- *Về Công ty cổ phần quốc tế C4 (sau đây gọi tắt là C4):* được thành lập ngày 25/01/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022110 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H1 cấp ngày 25/01/2008, trụ sở tại: số 9, đường C3, tổ 12, phường H4, quận H3, Thành phố H1. C4 đã thay đổi đăng ký kinh doanh 14 lần, nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi trụ sở, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, có các thời điểm Phan Anh C và Phan Anh M là người đại diện theo pháp luật của C4 như sau:

+ Từ ngày 24/5/2010 đến ngày 30/9/2011, Phan Anh C là người đại diện theo pháp luật của Công ty, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Ngày 22/12/2017, Phan Anh C bị bắt trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản liên quan đến mảng căn hộ thấp tầng thuộc dự án trên do Cơ quan An ninh điều tra - Bộ Công an thụ lý.

+ Từ ngày 15/12/2014 đến ngày 06/6/2016, Phan Anh M (con trai Phan Anh C) là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh là Tổng Giám đốc.

+ Từ ngày 12/01/2017 đến nay, Phan Anh M là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh là Tổng Giám đốc. Tuy nhiên mọi hoạt động, chỉ đạo, điều hành của Công ty C4 trước thời điểm 22/12/2017 đều do Phan Anh C thực hiện. Phan Anh M chỉ đứng ra ký văn bản, tài liệu theo yêu cầu của Phan Anh C.

- *Về Công ty trách nhiệm hữu hạn N2 (sau đây gọi tắt là N2):* Công ty N2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101014104 ngày 17/4/2000 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H1. Ngành nghề kinh doanh chính là hoàn thiện công trình xây dựng. Đại diện theo pháp luật hiện tại là ông Hoàng Tuấn M1; chức vụ: Giám đốc.

- *Về quá trình hợp tác, góp vốn giữa Công ty N2 và Công ty C4:*

Ngày 30/5/2016, ông Hoàng Tuấn M1 đại diện cho Công ty N2 và Phan Anh M đại diện cho Công ty C4 ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/CTVN-NMH/2016/HĐHTĐT hợp tác đầu tư cùng xây dựng phần cao tầng theo quy hoạch đã được UBND Thành phố H1 phê duyệt gồm 02 tòa chung cư A và B mỗi tòa 35 tầng gồm 720 căn hộ (sau đây gọi tắt là dự án). Quá trình thực hiện nội dung của Hợp đồng hợp tác đầu tư và thực hiện dự án, Công ty C4 và Công ty N2 đã ký kết các phụ lục gồm:

+ Phụ lục số 01: Danh mục các hồ sơ pháp lý của dự án;

+ Phụ lục số 02: ký ngày 08/11/2016 về việc phân quyền khai thác, sử dụng và kinh doanh thương mại sản phẩm của phần dự án: Công ty C4 được quyền kinh doanh 300 căn hộ từ tầng 8 đến tầng 32 tại Tòa B, sàn thương mại tầng 1 và tầng 2 tháp B. Công ty N2 được quyền khai thác 60 căn hộ từ tầng 3 đến tầng 7 tòa B, toàn bộ 360 căn hộ tòa A, sàn thương mại tầng 1 và tầng 2 tòa B. Đối với các sàn nghiệp vụ tầng 33, 34, 35 nếu Tổng cục An ninh có nhu cầu sử dụng thì trả theo giá xây dựng, nếu không sẽ chuyển đổi và N2 được quyền kinh doanh;

+ Phụ lục số 03: Tổng mức đầu tư của phần dự án là 909.294.911.000 đồng;

+ Phụ lục số 04: Bảng tiến độ dự án;

+ Phụ lục số 05: ký ngày 16/11/2016 về việc góp vốn đầu tư xây dựng dự án;

+ Phụ lục số 06: ký ngày 28/11/2016 về trách nhiệm huy động vốn để xây dựng công trình và Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính;

Ngày 07/12/2016, tại cuộc họp giữa Công ty C4 và Công ty N2, Phan Anh C tuyên bố đơn phương chấm dứt Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/CTVN-NMH/2016/HĐHTĐT nêu trên với lý do vi phạm khoản 3 Điều 19 Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/5/2015 hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở 2014. (*Chủ đầu tư chỉ được ký Hợp đồng hợp tác đầu tư để huy động vốn khi có Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn của Sở Xây dựng hoặc đã gửi hồ sơ đề nghị ra Thông báo nhưng quá 15 ngày Sở Xây dựng không có văn bản trả lời).*

Thời gian này, Phan Anh C tuy không giữ chức vụ gì tại Công ty C4 nhưng trực tiếp quản lý, sử dụng con dấu pháp nhân của Công ty, thường mang con dấu ra khỏi Văn phòng Công ty. Đến ngày 13/12/2016, khi C mang con dấu đến Công ty C4 thì các cá nhân thuộc Công ty C4 gồm: ông Nguyễn Văn T15 - Tổng giám đốc (người đại diện theo pháp luật), ông Phạm Văn T16 - Phó Tổng

giám đốc, bà Hoàng Thị Kim O1 - Phó Tổng giám đốc, ông Trương Đắc M2 - Trưởng phòng hành chính, các ông Nguyễn Thanh B8, ông Nguyễn Văn H6, ông Trần Ngọc H7 đã yêu cầu C bàn giao lại con dấu để quản lý tại Văn phòng Công ty C4 phục vụ việc thực hiện dự án. Do 02 bên mâu thuẫn, xảy ra tranh chấp về việc quản lý con dấu nên đã mời Công an phường H4, quận H3, H1 đến giải quyết. Do ông Nguyễn Văn T15 chưa xuất trình được giấy tờ chứng M là đại diện hợp pháp nên Công an phường đã tạm giữ con dấu. Đến ngày 17/12/2021,ông Nguyễn Văn T15 xuất trình được giấy tờ chứng M là người đại diện theo pháp luật của công ty nên Công an phường H4 đã bàn giao con dấu cho ông T15 và ông T15 quản lý, cất giữ con dấu tại Văn phòng Công ty C4. Do nghỉ việc nên sau ngày 31/12/2017, ông T15 đã giao con dấu cho ông Nguyễn Thanh B8 cất giữ tại tủ của ông B8 tại Văn phòng Công ty C4, đến tháng 5/2018 con dấu tiếp tục được giao cho Chi bộ Công ty C4 cất giữ cho đến nay (BL 703 - 704).

- Tháng 8/2017, trong các cuộc họp giao ban hàng tuần giữa Công ty C4 và Công ty N2, Phan Anh C, Phan Anh M tiếp tục tuyên bố hợp tác toàn diện với phía Công ty N2 để thực hiện dự án.

- Ngày 09/10/2017, Công ty C4 (do Phan Anh M - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc làm đại diện) và Công ty N2 (do ông Hoàng Tuấn M1 - Giám đốc làm đại diện) thống nhất ký Phụ lục số 07 với nội dung:

Điều 1: Hai bên cùng có trách nhiệm huy động vốn từ việc bán, nhận ủy quyền bán căn hộ, kinh doanh khai thác các mặt sàn thương mại, văn phòng mỗi bên theo nội dung hợp đồng hợp tác đầu tư và các phụ lục hợp đồng đã ký để đảm bảo tiến độ xây dựng công trình.

Trong trường hợp mỗi bên không có khả năng hoặc không thực hiện được việc huy động vốn vào tài khoản chung do 02 bên đã mở tại ngân hàng TMCP Q1 từ việc bán căn hộ hoặc khai thác mặt sàn thương mại dịch vụ, văn phòng trong phạm vi trách nhiệm của mỗi bên quá 02 kỳ thanh toán theo tiến độ xây dựng hoặc khi thi công xong kết cấu xây dựng đổ bê tông sàn tầng 15, cũng như không chủ động hoàn chỉnh các thủ tục để vay vốn ngân hàng giải ngân cho việc xây dựng công trình, có khả năng bị dừng thi công thì việc bán căn hộ, bán, cho thuê các mặt sàn xây dựng thuộc quyền, ủy quyền kinh doanh khai thác theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký được chuyển quyền và trách nhiệm cho bên kia (Bên còn lại trong hợp đồng hợp tác đầu tư) thực hiện để thu hồi vốn đầu tư và tiếp tục thi công xây dựng công trình đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo đưa công trình vào sử dụng theo tiến độ. Tuy nhiên việc ký kết các hợp đồng mua bán căn hộ, bán và cho thuê các mặt sàn xây dựng khác thuộc về chủ đầu tư dự án.

Điều 2. Bên nhận quyền, ủy quyền tiếp thị bán, thu hồi vốn đầu tư theo nội dung phụ lục hợp đồng này được chủ động xây dựng giá bán phù hợp với chi phí đã đầu tư và đảm bảo các hoạt động của doanh nghiệp; đồng thời phải hoàn

trả chi phí cho bên đã đầu tư vào dự án theo kết quả của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào khác cho bên vi phạm nội dung cam kết. Kết quả của đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện phải thỏa mãn đồng thời hai yếu tố là tính hợp pháp và hợp lý của số liệu báo cáo. Phụ lục này nhằm chi tiết hóa các nội dung ký trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 16 ngày 30/5/2016. Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là 01 bộ phận không thể tách rời Hợp đồng số 16.

- Căn cứ Phụ lục số 07 trên, sau khi hai bên thống nhất xác định Công ty C4 không đáp ứng tiến độ huy động vốn nên ngày 18/10/2017, tại Hội trường văn phòng Công ty C4, Phan Anh M và ông Hoàng Tuấn M1 đại diện cho 02 Công ty ký Hợp đồng ủy quyền. Theo Hợp đồng ủy quyền này, Công ty N2 được quyền bán 300 căn hộ thuộc tòa B, Công ty C4 không còn quyền kinh doanh nhưng được hưởng lợi 1,2 triệu đồng/m^2 toàn bộ diện tích sàn 300 căn hộ trên.

Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2017 giữa Công ty C4 (Bên A) và Công ty N2 (Bên B) thống nhất các nội dung sau:

Điều 1. Căn cứ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16, các Phụ lục hợp đồng cam kết; hai bên cùng xác nhận Bên A không đóng góp bất kỳ một khoản vốn và huy động vốn nào cho xây dựng tòa nhà chung cư 35 tầng thuộc dự án tại T14, phường H4, quận H3, H1. Toàn bộ vốn xây dựng công trình do Bên B chủ động và huy động; do đó căn cứ Phụ lục số 07 Hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký Bên Aủy quyền toàn quyền cho Bên B là đơn vị duy nhất được quyền kinh doanh, khai thác toàn bộ số lượng 300 căn hộ tại Tòa tháp B của phần dự án mà theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16 thuộc quyền kinh doanh khai thác của Bên A. Bên B có trách nhiệm đầu tư vốn, huy động vốn để thực hiện dự án, Bên B có quyền chủ động, độc lập xây dựng phương án kinh doanh nhằm đảm bảo thu hồi vốn đầu tư và đảm bảo các hoạt động cũng như đảm bảo tiến độ xây dựng công trình và thực hiện dự án. Bên A với tư cách là chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng mua bán căn hộ với khách hàng và số tiền huy động từ việc bán căn hộ sẽ chuyển vào tài khoản chung do hai bên mở tại ngân hàng theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký.

Điều 2. Khi nhận ủy quyền này, Bên B có trách nhiệm chủ động thực hiện cam kết…; Trong trường hợp Bên B thực hiện theo đề nghị của Bên A về việc giải quyết thủ tục bán căn hộ cho một số trường hợp mua theo giá ưu đãi thì Bên A phải cung cấp đầy đủ danh sách khách hàng được ưu đãi, kèm theo cam kết xác nhận và đối trừ công nợ của Bên A ngay cho Bên B số tiền phải bù lỗ theo giá vốn tạm ứng 15.800.000đ/m^2 . Số lượng căn hộ giải quyết theo giá ưu đãi do Bên A đề xuất cũng không vượt quá 150 căn hộ và quyền giải quyết thuộc về Bên B.

Bên A có nghĩa vụ cung cấp, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết liên quan đến dự án để Bên B thực hiện theo nội dung ủy quyền nêu tại Điều 1 và không can thiệp hay thay đổi các nội dung đã ủy quyền cho Bên B.

Điều 3. Bên B có trách nhiệm trả cho Bên A các chi phí do Bên A đã đầu tư vào dự án đến thời điểm khởi công xây dựng công trình và phần lợi nhuận có từ 150 căn hộ còn lại trong số lượng 300 căn hộ.

Cùng ngày 18/10/2017, sau khi ký Hợp đồng ủy quyền, nội bộ Công ty C4 đã tổ chức ký Biên bản xác nhận và bàn giao danh sách khách hàng mua căn hộ cho Công ty N2, kèm theo biên bản bàn giao là các Hợp đồng mua bán căn hộ, pH6 thu, pH6 chi, Biên bản thanh lý hợp đồng đã được Phan Anh M ký sẵn. Theo Biên bản này trong 300 căn hộ tòa B được bàn giao: 150 căn hộ đã có người đăng ký mua, nộp tiền theo đợt, còn lại 150 căn hộ chưa có người đăng ký mua.

Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, Công ty N2 có quyền kinh doanh toàn bộ 720 căn hộ chung cư thuộc dự án trên, Công ty C4 không còn quyền kinh doanh bất kỳ căn hộ nào. Tuy nhiên, sau đó Công ty C4 đã bán hai căn hộ cho các ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3 thuộc 150 căn hộ chưa có người đăng ký mua đã được bàn giao cho Công ty N2, cụ thể như sau:

Năm 2011, Phan Anh C đồng ý bán cho ông Nguyễn Đình T10 01 căn hộ thấp tầng thuộc dự án T14. Ông T10 đã nộp 400 triệu đồng đặt cọc cho Công ty C4 và nhận pH6 thu. Giữa 2017, do phần căn hộ thấp tầng chưa được thi công, trong khi dự án chung cư đã triển khai nên ông T10 đề nghị Phan Anh C chuyển quyền mua căn hộ thấp tầng thành quyền mua 02 căn hộ chung cư. C đồng ý và yêu cầu ông T10 đến ký hợp đồng mua bán căn hộ. Ông T10 đã liên hệ với bạn là ông Nguyễn Khắc M3 (sinh năm 1975, trú tại số 16 ngõ 42/263 T11, phường T11, quận H3, Thành phố H1) nhờ tìm người chuyển quyền mua căn hộ, nếu đồng ý sẽ đến ký hợp đồng trực tiếp. Ông M3 đã trao đổi việc này với ông Bùi Đình T5, ông T5 và cháu họ là ông Nguyễn Mạnh T3 đồng ý sẽ nhận chuyển nhượng quyền mua 02 căn hộ với giá 100 triệu đồng mỗi căn và sẽ đứng tên ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư. Ngày 02/12/2017, ông T5 và ông T3 đã chuyển 200 triệu đồng cho ông T10 để nhận quyền mua 02 căn hộ trên, có làm giấy biên nhận (BL 22, 146).

Theo thông báo của Phan Anh C, ngày 09/12/2017, ông T10 dẫn ông T5, ông T3 và ông Bùi Đình C5 (anh trai của ông T5) cùng đến nhà riêng của Phan Anh C tại số 4 B1, quận H, Thành phố H1 để làm thủ tục ký hợp đồng mua bán căn hộ. Trước đó, theo thông báo của C, bà Nguyễn Thị P1 (Kế toán trưởng), bà Đoàn Thị X (nhân viên), bà Phạm Thị D (Thủ quỹ) cũng có mặt tại đây để làm thủ tục bán căn hộ cho khách hàng.

Bà X là người đón ông T10, ông T5, ông T3, ông C5 lên tầng 2 và thực hiện tư vấn, tiếp nhận thông tin của khách hàng, sử dụng máy tính để bàn tại đây

để soạn T13 02 hợp đồng mua bán căn hộ chung cư số B12A.11/CTVN-HĐ và số B-14.05/CTVN-HĐ, 02 giấy đề nghị người khác đứng tên mua căn hộ tương ứng, giao cho khách hàng kiểm tra lại thông tin, yêu cầu họ ký vào các văn bản này. Theo hợp đồng, tiền mua căn hộ là 905.715.455 đồng, ngay khi ký hợp đồng ông T5 và ông T3 mỗi người đã nộp 578.201.000 đồng cho bà P1. Các tài liệu này sau đó được bà P1 mang lên tầng trên cho Phan Anh M ký và Phan Anh C đóng dấu Công ty C4 rồi chuyển lại cho các ông T5, T3. Con dấu này do Phan Anh C tự khắc để sử dụng. Tổng số tiền bán 02 căn hộ cho ông Bùi Đình T5 và ông Nguyễn Mạnh T3 là 1.156.402.000 đồng, được sử dụng như sau: 400 triệu đồng trả cho ông Nguyễn Đình T10, 150 triệu đồng được dùng để trả tiền Công ty C4 vay của bà Nguyễn Thị P1 trước đó; còn lại được trả cho khách hàng đặt cọc khác và trả lương cho nhân viên. Việc chi tiền này đều có pH6 chi do Phan Anh M ký.

Về phía Công ty N2 không biết Công ty C4 bán 02 căn hộ số B12A.11 và số B-14.05 nên ngày 19/5/2018 đã bán 02 căn hộ trên cho ông Đặng Xuân G (sinh năm 1968, trú tại P512-C2, Trung Tự, Đ1, H1) và bàn giao Hợp đồng mua bán căn hộ có sẵn chữ ký của Phan Anh M cho ông G. Ông G đã đóng 95% tiền mua mỗi căn hộ (888.908.000 đồng), số tiền còn lại theo quy định pháp luật thì 3% đóng khi làm Giấy chứng nhận, 2% đóng khi nhận bàn giao căn hộ. Các căn hộ này đã bàn giao và được ông G cho người khác thuê sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 9919 ngày 09/11/2020: Hình dấu tròn có nội dung CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ C4 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A485 đến A492) với hình dấu tròn có nội dung CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ C4 trên các mẫu so sánh (ký hiệu từ M19 đến M21) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 251 ngày 17/11/2020: Chữ ký cần giám định mang tên Phan Anh M trên các tài liệu ký hiệu từ A1 đến A16 với chữ ký mẫu so sánh ghi của Phan Anh M trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M19 là do cùng một người ký ra.

Tại Cơ quan điều tra:

- Phan Anh M khai: Công ty C4 và Công ty N2 có ký các Hợp đồng hợp tác đầu tư và phụ lục hợp đồng kèm theo để xây dựng dự án như trên; có ký các Hợp đồng mua bán căn hộ với các ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3, pH6 thu có liên quan; con dấu do Phan Anh C đóng. M khai bị phía N2 ép buộc ký các văn bản gồm: Phụ lục số 07 ngày 09/10/2017, Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2017 và Biên bản bàn giao danh sách khách hàng mua căn hộ ngày 18/10/2017. Phan Anh M cũng khẳng định bị ép ký các Hợp đồng mua bán căn hộ mà Công ty N2 hiện đang giữ.

Mọi hoạt động của Công ty C4 đều do Phan Anh C chỉ đạo, việc Phan Anh M ký vào Hợp đồng mua bán, tài liệu khác để bán căn hộ cho các ông Bùi

Đình T5, Nguyễn Mạnh T3 là theo chỉ đạo của Phan Anh C. Con dấu của Công ty C4 bị ông Nguyễn Văn T15 giữ từ sau ngày 31/12/2017 (BL 639 - 640, 647 - 656, 659 - 660).

- Phan Anh C khai: C chứng kiến Phan Anh M bị ép buộc ký vào Phụ lục Hợp đồng số 07, Hợp đồng ủy quyền, Biên bản xác nhận và bàn giao danh sách khách hàng mua căn hộ cùng ngày 18/10/2017. Tuy nhiên thời điểm đó C không có ý kiến gì với cơ quan chức năng về việc này.

Mọi hoạt động, điều hành của Công ty C4 đều do C chỉ đạo, Phan Anh M chỉ là người đứng tên đại diện pháp luật, thực hiện chỉ đạo của C. C đã chỉ đạo nhân viên Công ty C4 hoàn thiện thủ tục, chỉ đạo Phan Anh M ký vào Hợp đồng mua bán, pH6 thu và các tài liệu khác để hoàn thiện thủ tục bán căn hộ cho các ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3. C sử dụng con dấu chưa hoàn thành thủ tục đăng ký mẫu dấu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H1 để đóng lên Hợp đồng, chứng từ bán căn hộ cho ông T5, ông T3 (BL 607, 611 - 620).

- Các ông Nguyễn Văn T15, Phạm Văn T16, Trương Đắc M2, Trần Ngọc H7, ông Nguyễn Thanh B8, Nguyễn Văn H6, bà Hoàng Thị Kim O1 đều khai: được bổ nhiệm và làm việc tại Công ty C4 từ khi được bổ nhiệm đến nay. Con dấu của Công ty C4 được ông T15 và Chi bộ Đảng Công ty quản lý tại Văn phòng công ty từ thời điểm tháng 12/2016 đến nay. Họ đều tham gia cuộc họp chuyển quyền kinh doanh 300 căn hộ thuộc tháp B của Công ty C4 cho Công ty N2 ngày 18/10/2017. Trừ ông Nguyễn Văn H6, còn lại họ đều trực tiếp chứng kiến Phan Anh M và các cá nhân liên quan tự nguyện ký vào Hợp đồng ủy quyền, Biên bản xác nhận bàn giao danh sách khách hàng mua căn hộ (BL 772 - 774, 792 - 795, 798 - 860, 870 - 878) .

- Các ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3 khai phù hợp về việc mua lại các căn hộ từ ông Nguyễn Đình T10 qua ông Nguyễn Khắc M3, việc chuyển tiền cho ông T10 và quá trình ký hợp đồng mua căn hộ tại nhà riêng của Phan Anh C như nêu trên (BL 663 - 685).

- Ông Nguyễn Đình T10, người chuyển quyền mua căn hộ cho ông T5, T3 khai phù hợp về quá trình đặt cọc mua căn hộ thấp tầng rồi sau đó chuyển sang mua 02 căn hộ cao tầng thông qua Phan Anh C; ông T10 có nhận số tiền 200 triệu của các ông T5, T3 để chuyển quyền mua căn hộ, nhận lại 400 triệu tiền đặt cọc mua lại căn hộ thấp tầng. Tuy nhiên không nhớ chi tiết về quá trình các ông T5, T3 ký hợp đồng mua bán căn hộ (BL 698 - 702).

- Bà Nguyễn Thị P1 (Kế toán trưởng Công ty C4) phủ nhận việc Công ty C4 có chủ trương chuyển quyền kinh doanh 300 căn hộ cho Công ty N2 và việc trực tiếp mang tiền, Hợp đồng mua bán căn hộ, giấy đề nghị người khác đứng tên, pH6 thu, pH6 chi, biên bản bàn giao tài liệu cho Phan Anh M ký và Phan Anh C đóng dấu trong buổi ký Hợp đồng với các ông T5, T3. Về việc nhận số

tiền 150 triệu đồng từ tiền thu của các ông T5, T3, bà P1 khẳng định trước đây đã cho Công ty C4 vay nên được Công ty trả lại (BL 704 - 716).

- Ông Nguyễn Khắc M3 khai phù hợp với nội dung trên và khẳng định không được hưởng lợi gì từ việc này.

- Đối với số tiền đã thu của ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3: Phan Anh M khai số tiền thu được sử dụng để trả lương, thưởng cho nhân viên và duy trì hoạt động của Công ty C4. Cơ quan điều tra đã ghi lời khai của các nhân viên theo danh sách nhận lương do Phan Anh M cung cấp, bản thân họ đều khẳng định họ có nhận lương nhưng không biết nguồn gốc số tiền.

Xác M tại Cơ quan thuế xác định: Hồ sơ kê khai thuế và báo cáo tài chính của Công ty C4 đều không ghi nhận khoản tiền thu của các ông T5, T3 nêu trên (BL 1445 - 1446).

Xác M tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H1 xác định: ngày 29/12/2016, Công ty C4 làm thủ tục thay đổi mẫu dấu và thông báo về việc mất con dấu. Sau khi xác nhận Công ty C4 giả mạo hồ sơ thay đổi mẫu con dấu nên ngày 29/6/2017, Phòng Đăng ký kinh doanh ra Thông báo số 88/TB-ĐKKD về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi mẫu dấu của Công ty C4 (BL 1167 - 1168).

Quá trình khám xét nơi ở của Phan Anh M tại số 4 B1, phường C2, quận H, Thành phố H1, Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu liên quan đến dự án và 04 con dấu khác mang tên Công ty cổ phần quốc tế C4.Kết quả trưng cầu giám định xác địnhcác con dấu này không phải là con dấu hợp pháp của Công ty C4 nhưng cũng không phải là con dấu đóng trên Hợp đồng mua bán căn hộ của các ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3.

Quá trình điều tra vụ án, ngày 01/3/2021, các ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3 gửi văn bản xác nhận việc đã được gia đình các bị cáo Phan Anh C, Phan Anh M trả lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt (BL 690 - 692).

II. Hành vi phạm tội của Phan Anh M, Phan Anh C liên quan đến đơn tố giác tội phạm của bà Phạm Thị H2.

Bà Phạm Thị H2 tố cáo Phan Anh M lừa đảo chiếm đoạt 559.320.000 đồng thông qua việc sử dụng con dấu giả ký hợp đồng mua bán căn hộ số B11.07 tại chung cư trên. Kết quả điều tra xác định như sau:

Cuối năm 2011, theo giới thiệu của Phan Anh C, ông Phan Huy T13 nộp 100 triệu đồng góp vốn vào dự án để mua căn hộ B11.07, tuy nhiên chứng từ thu tiền của Công ty C4 chỉ ghi 50 triệu đồng. Số tiền còn lại, Công ty C4 giải thích là chi phí phục vụ giải phóng mặt bằng. Năm 2016, do không có tiền đóng tiếp vào dự án nên ông T13 đã nhờ Phan Anh C bán giúp căn hộ trên để lấy lại tiền.

Đến ngày 18/10/2017, Phan Anh M đại diện cho Công ty C4 đã ủy quyền cho Công ty N2 tiếp tục bán căn hộ trên.

Đến tháng 12/2017, bà Phạm Thị H2 có nhu cầu mua căn hộ tại dự án này, tìm hiểu trên mạng chị H2 đã liên hệ với môi giới tên Nguyễn Thị Ngọc Anh (hiện không có thông tin liên lạc) để đặt mua căn hộ. Ngày 14/12/2017, Ngọc Anh hướng dẫn bà H2 đến địa chỉ nhà riêng của Phan Anh M (số 4 B1, phường C2, quận H, Thành phố H1) để làm thủ tục mua căn hộ. Ông Nguyễn Khánh T17 (sinh năm 1970, trú tại Phòng 2410 A1, chung cư IA20, phường Đ2, quận B9, Thành phố H1) người quen của chị H2 đi cùng. Tại đây, bà H2 gặp bà Đoàn Thị X nhân viên, bà Nguyễn Thị P1 kế toán, Phan Anh C tự giới thiệu là chủ đầu tư của dự án. Chị X giới thiệu căn hộ B11.07 là của ông Phan Huy T13 cần bán lại, diện tích 70,8m^2, giá thực tế là 17,5 triệu đồng/m^2, nhưng ghi trên hợp đồng là 15,8 triệu đồng/m^2. Sau khi ký hợp đồng, Phan Anh C yêu cầu bà H2 nộp 120 triệu đồng tiền chênh lệch ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, theo yêu cầu của anh T17, Phan Anh C đã giảm xuống 110 triệu đồng, khoản tiền này không có giấy tờ, hóa đơn. Sau đó chị X thông báo cho bà H2 trong ngày 14/12/2017 đóng tiền nhà đợt 1.

Ngày 14/12/2017, theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1, ông T13 đến nhà riêng của Phan Anh M tại số 4 phố B1 để ký Giấy đề nghị người khác đứng tên Hợp đồng mua bán căn hộ đề ngày 14/12/2017. Cùng ngày, bà H2 đến địa chỉ này để đóng tiền mua nhà đợt 1. Tại đây, có mặt bà X, bà P1, Phan Anh C và bà Mai Thị Duyên (nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần dầu khí toàn cầu - G1) đến thu tiền. Bà H2 đã nộp 335.592.000 đồng vào tài khoản số 10606689 của Công ty C4 tại G1. Sau đó, chị X đưa cho bà H2 ký các giấy tờ gồm: Giấy hẹn, Thông báo nộp tiền, Giấy đề nghị người khác đứng tên Hợp đồng mua bán căn hộ, 04 Hợp đồng mua bán căn hộ nhưng chưa có chữ ký và đóng dấu của đại diện Công ty C4. Phan Anh C và chị X cùng hẹn bà H2 sau khi nộp tiền lần 2 sẽ trả hợp đồng.

Ngày 18/12/2017, bà H2 tiếp tục đến địa chỉ số 4 B1, trước sự chứng kiến của bà X, bà P1, Phan Anh C, bà Bùi Thị M4 (nhân viên ngân hàng G1), bà H2 tiếp tục nộp 223.728.000 đồng vào tài khoản trên của Công ty C4. Khoảng 01 tuần sau, bà H2 đến số 4 B1 để nhận hợp đồng mua bán căn hộ và tài liệu khác có chữ ký của Phan Anh M, có đóng dấu của C4. Trong đó, Giấy đề nghị người khác đứng tên Hợp đồng mua bán căn hộ và Hợp đồng mua bán căn hộ có chữ ký nháy của Phan Anh C. Khi giao hợp đồng mua bán căn hộ, chị X có giải thích Phan Anh M chỉ là người đứng tên trên đăng ký kinh doanh, thực tế Phan Anh C mới là người điều hành mọi hoạt động của Công ty C4. Hiện căn hộ B11.07 đã được bán cho người khác nên chị H2 làm đơn tố cáo và yêu cầu được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Phan Anh M thừa nhận ký các văn bản trên theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1 (BL 3183 - 3186).

Phan Anh C phủ nhận việc chỉ đạo làm thủ tục bán căn hộ trên cho bà Phạm Thị H2 (BL 3187 - 3192).

Kết quả điều tra, lời khai của bà Phạm Thị H2, ông Phan Huy T13, ông Nguyễn Khánh T17, bà Đoàn Thị X, bà Nguyễn Thị P1 phù hợp với nội dung trên (BL 3093 - 3097, 3167 - 3176, 3178 - 3182).

Sao kê tài khoản số 10606689 mở tại Ngân hàng GP Bank của Công ty C4 thể hiện việc ngày 14/12/2017 và ngày 18/12/2017, bà Phạm Thị H2 đã nộp tổng cộng 559.320.000 đồng để mua căn hộ B11.07 của Công ty C4 (BL 3160 - 3161, 3351)

Kết luận giám định số 8384/C09-P5 ngày 10/01/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: con dấu trên Giấy hẹn, thông báo nộp tiền, Giấy đề nghị người khác đứng tên Hợp đồng mua bán căn hộ, Hợp đồng mua bán căn hộ liên quan đến việc mua bán căn hộ B11.07 trên không phải con dấu của Công ty C4 đóng ra; Phan Anh M là người ký các văn bản này (BL 3088 - 3089).

Căn cứ nội dung Phụ lục hợp đồng số 07, Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2017, từ ngày 18/10/2017 Công ty C4 không còn quyền kinh doanh bất cứ căn hộ nào thuộc dự án trên, tuy nhiên Phan Anh C đã sử dụng con dấu bất hợp pháp của Công ty C4 để đóng dấu và chỉ đạo Phan Anh M ký bán 02 căn hộ số B12A.11 và số B-14.05 cho ông Bùi Đình T5 và ông Nguyễn Mạnh T3 với tổng số tiền là 1.156.402.000 đồng vào ngày 09/12/2017; bán căn hộ số B11.07 cho bà Phạm Thị H2 với tổng số tiền là 559.320.000 đồng vào ngày 14/12/2017. Như vậy Phan Anh M, Phan Anh C đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.715.722.000 đồng của ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Mạnh T3 và bà Phạm Thị H2.

III. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 417/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phan Anh C, Phan Anh M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng thêm Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Anh C.

Xử phạt Phan Anh C 10 năm tù, tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự số 558/2019/HSPT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 18 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2018, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2017 đến ngày 18/8/2018.

Xử phạt Phan Anh M 08 năm tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2021.

3. Áp dụng Điều 46, điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Phan Anh C trả lại bà Phạm Thị H2 số tiền 559.320.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết địnhvề án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, bị cáo Phan Anh C kháng cáo kêu oan.Ngày 07/10/2022, bị cáo Phan Anh M kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 06/10/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N2 kháng cáo đề nghị xem xét khởi tố hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức đối với bị cáo Phan Anh C, Phan Anh M, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty TNHH N2.

IV. Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bị cáo Phan Anh C khai: Công ty C4 thuộc sở hữu của bị cáo, những cá nhân đứng tên cổ phần, đứng tên người đại diện của Công ty từ trước đến nay đều do bị cáo nhờ đứng tên để đảm bảo thủ tục pháp lý. Công ty C4 và Công ty N2 có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16, hợp đồng này bị cáo không chỉ đạo Phan Anh M ký, bị cáo không chỉ đạo ký các phụ lục hợp đồng này, Phan Anh M không biết sự tồn tại của những phụ lục hợp đồng này.

Đối với Phụ lục hợp đồng số 07 ngày 09/10/2017 và Hợp đồng ủy quyền ngày 18/01/2017 giữa Công ty C4 và Công ty N2. Bị cáo M xác nhận là chữ ký của mình, tuy nhiên trước đó bị N2 ép ký nhiều tài liệu và giấy tờ khống nên các hợp đồng này có thể bị N2 giả tạo. Bị cáo không biết sự tồn tại của 02 văn bản này, bị cáo có nghe Phan Anh M kể về việc M bị N2 ép ký nhiều tài liệu.

Bị cáo khẳng định Công ty C4 không có chủ chương chuyển giao 300 căn hộ thuộc tòa B cho Công ty N2 kinh doanh, Công ty C4 là chủ đầu tư hợp pháp của dự án nên việc ký hợp đồng bán 03 căn hộ cho ông T5, ông T3, bà H2 là hợp pháp. Bị cáo cũng không trực tiếp chỉ đạo Phan Anh M ký hợp đồng bán nhà cho ông T5, ông T3, bà H2, việc bán toàn bộ các căn hộ là chủ trương chung của Công ty C4, bất kỳ cá nhân nào có nhu cầu mua căn hộ thì Công ty C4 sẽ ký hợp đồng nếu hai bên đạt được thỏa thuận.

Bị cáo còn xác nhận các cá nhân đứng tên đại diện, đứng tên cổ phần của Công ty C4 chỉ mang tính hình thức và được bị cáo nhờ.Việc chuyển nhượng cổ phần là hình thức để hợp thức hóa, không có việc chuyển tiền để mua cổ phần

giữa những người này. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét M oan cho bị cáo.

2. Bị cáo Phan Anh M xác nhận lời khai của bị cáo Phan Anh C và thừa nhận Công ty C4 và Công ty N2 có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 16, Hợp đồng này do bị cáo ký, Phụ lục hợp đồng số 07 ngày 09/10/2017 và Hợp đồng ủy quyền ngày 18/01/2017 giữa Công ty C4 và Công ty N2. Bị cáo xác nhận đúng là chữ ký của mình, việc ký hợp đồng bán 03 căn hộ cho ông T5, ông T3, bà H2 là do bị cáo ký. Bị cáo cho rằng do tuổi còn trẻ, không hiểu biết pháp luật nên đã ký Phụ lục hợp đồng số 07 ngày 09/10/2017 và ký hợp đồng bán 03 căn hộ cho ông T5, ông T3, bà H2. Để xảy ra những việc như đã nêu trên là do lỗi của bị cáo. Tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc.Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

3. Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N2 là Ông Hoàng Tuấn M1 khai: Việc ký kết Phụ lục hợp đồng số 7, Hợp đồng ủy quyền và các Biên bản bàn giao ngày 18/10/2017 giữa Công ty C4 và Công ty N2 hai bên hoàn toàn tự nguyện, không có việc N2 ép Phan Anh M ký các văn bản trên như M khai. Từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2017 giữa hai công ty nhiều lần tổ chức họp chung bàn và thống nhất việc chuyển giao quyền kinh doanh 300 căn hộ tháp B dự án cho Công ty N2. Trong quá trình hợp tác, có thời điểm hai Công ty có bất đồng, do Công ty C4 có quan điểm chính sách thất thường nên Công ty N2 có làm đơn tố cáo, đơn tố cáo chưa được cơ quan có thẩm quyền trả lời thì Phan Anh C đã tuyên bố tiếp tục hợp tác toàn diện với Công ty N2.

Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty TNHH N2 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét khởi tố hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức đối với bị cáo Phan Anh C, Phan Anh M, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo và đề nghị bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty TNHH N2.

Tại phiên tòa hôm nay phía công ty nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm quy kết và xử phạt các bị cáo là đúng người đúng tội do đó xin rút toàn bộ nội dung đơn kháng cáo.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm như sau:

Xét kháng cáo của các bị cáo Phan Anh C và Phan Anh M, nhận thấy tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty C4 là chủ đầu tư của toàn bộ dự án "Khu nhà ở cán bộ chiến sĩ Vụ Tổ chức Cán bộ - Tổng cục III - Bộ Công an" tại thôn T14, phường H4, quận H3, Thành phố H1. Từ ngày 12/01/2017 đến tháng 01/2021, Phan Anh M là người đại diện theo pháp luật của công ty, chức danh là Tổng Giám đốc. Trên cơ sở Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/CTVN-NMH/2016/HĐHTĐT ngày 30/5/2016, trong đó có phụ lục số 07 ký ngày

09/10/2017) có nội dung "…*Trong trường hợp mỗi bên không có khả năng hoặc không thực hiện …. thì việc bán căn hộ, bán, cho thuê các mặt sàn xây dựng thuộc quyền, ủy quyền kinh doanh khai thác theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký được chuyển quyền và trách nhiệm cho bên kia... Tuy nhiên việc ký kết các hợp đồng mua bán căn hộ, bán và cho thuê các mặt sàn xây dựng khác thuộc về chủ đầu tư dự án..".*

Tại Hợp đồng ủy quyền ký ngày 18/10/2017 giữa Phan Anh M và ông Hoàng Tuấn M1 đại diện cho 02 Công ty cũng có nội dung:

"….Bên A ủy quyền toàn quyền cho bên B là đơn vị duy nhất được quyền kinh doanh, khai thác toàn bộ số lượng 300 căn hộ tại tòa tháp B của phần dự án…

….Bên A với tư cách là chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng mua bán căn hộ với khách hàng và số tiền huy động từ việc bán căn hộ sẽ chuyển vào tài khoản chung do hai bên mở tại Ngân hàng theo hợp đồng hợp tác đã ký".

Quá trình thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 16/CTVN-NMH/2016/HĐHTĐT ngày 30/5/2016, Công ty C4 thể hiện sự yếu kém về năng lực huy động vốn và tính khả thi trong việc thực hiện dự án. Tuy nhiên căn cứ nội dung thỏa thuận tại phụ lục số 07 (ký ngày 09/10/2017) và hợp đồng ủy quyền (ký ngày 18/10/2017) thì Công ty C4 vẫn là chủ đầu tư dự án; đồng thời việc chào bán căn hộ tại Tháp B của dự án vẫn thuộc thẩm quyền của Công ty C4. Do đó, Phan Anh M (đại diện Công ty C4) ký hợp đồng bán các căn hộ số B12A.11/CTVN-HD, số B-14.05/CTVN-HĐ và số B11.07 của dự án trên cho các ông bà Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3 và Phạm Thị H2 vào tháng 12/2017. Cấp sơ thẩm xác định từ sau 18/10/2017 Công ty C4 và các bị cáo không có quyền chào bán căn hộ của dự án, từ đó quy kết việc các bị cáo bán 3 căn hộ nêu trên là hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" để kết án các bị cáo về tội danh trên là chưa đủ căn cứ. Ngoài ra, căn cứ tài liệu hồ sơ vụ án còn thể hiện các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm không điều tra xử lý hành vi "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" là bỏ lọt tội phạm, tính từ ngày 13/12/2016 con dấu của Công ty C4 không còn thuộc sự quản lý của Phan Anh C mà được quản lý hợp pháp bởi Công ty C4 tại trụ sở Công ty. Tuy nhiên, đến cuối tháng 12/2017, Phan Anh C và Phan Anh M lại có con dấu khác có nội dung "Công ty cổ phần quốc tế C4" đóng lên hợp đồng mua bán căn hộ B11.07 cho bà Phạm Thị H2. Khi khám xét nơi ở của Phan Anh C và Phan Anh M tại số 4 B1, C2, H, H1 (ngày 21/01/2021), Cơ quan điều tra có thu giữ được 4 con dấu mang tên Công ty cổ phần quốc tế C4. Qua giám định xác định 4 con dấu này không phải là con dấu hợp pháp của Công ty C4. Như vậy, hành vi trên của Phan Anh C và Phan Anh M có dấu hiệu của tội "Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức" theo Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, chưa được cấp sơ thẩm điều tra xử lý là bỏ lọt tội phạm.

Xét việc điều tra của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ; đồng thời có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Do đó cần thiết phải điều tra, xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ

thẩm số 417/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1, trả hồ sơ để điều tra lại.

5. Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo:

4.1. Luật sư Nguyễn Đình T2 đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

4.2. Luật sư Trịnh Cẩm B2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm có gửi văn băn bản thể hiện quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Phan Anh C, Phan Anh M biết rõ kể từ ngày 18/10/2017, Công ty C4 không còn quyền kinh doanh các căn hộ thuộc Tòa B dự án, nhưng tháng 12/2017 Phan Anh C vẫn chỉ đạo Phan Anh M ký bán 03 căn hộ thuộc tòa B dự án cho các bị hại chiếm đoạt 1.715.722.000 đồng. Nhận định nêu trên là chưa xem xét toàn diện các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Trong toàn bộ các tài liệu là Phụ lục số 07 ngày 09/10/2017, Hợp đồng ủy quyền ngày 18/10/2017, Biên bản xác nhận và bàn giao căn hộ ngày 18/10/2017 không có chữ ký của C, không thể hiện sự thống nhất của C trong việc ký cácvăn bản. M khai bị ép ký nhiều tài liệu khác nhau, PH6 thu, PH6 chiông C đã báo cáo về việc con dấu của Công ty bị chiếm đoạt, Công ty phải đăng ký lại con dấu để sử dụng; không có việc C thống nhất với M ký Phụ lục số 07 ngày 09/10/2017, Hợp đồng ủy quyền và Biên bản xác nhận bàn giao căn hộ ngày 18/10/2017. C hoàn toàn không biết về Hợp đồng ủy quyền và Biên bản xác nhận bàn giao căn hộ ngày 18/10/2017.

- Về lời khai của các ông Nguyễn Thanh B8, ông Phạm Văn T16, ông Trương Đắc M2, ông Nguyễn Văn T15, ông Nguyễn Văn H6, ông Trần Ngọc H7, bà Hoàng Thị Kim O1, ông Hoàng Tuấn M1 cho rằng có việc Công ty C4 thống nhất bàn giao quyền kinh doanh tòa B dự án cho Công ty N2 là không đúng.

Thời điểm tháng 08/2017 và khi có các Phụ lục số 07 ngày 09/10/2017, Hợp đồng ủy quyền và Biên bản xác nhận và bàn giao căn hộ ngày 18/10/2017, các ông T15, ông M2, ông B8, bà O1, ông T16, ông H6, ông H7 không liên quan và không có bất kỳ quyền, nghĩa vụ trách nhiệm nào được tham gia Dự án với các chức danh công việc tại công ty.

Ngày 17/10/2017, bà Nguyễn Thị P1 là Kế toán trưởng Công ty C4 đã có Báo cáo số 212/CTVN ngày 17/10/2017 báo cáo về tình hình thu chi tài chính và dòng tiền của Công ty C4. Các tài liệu này khẳng định rõ ràng không có việc ông Phan Anh M hay Công ty C4 thống nhất chuyển giao và ủy quyền cho Công ty N2 bán 300 căn hộ thuộc Tòa tháp B để thu tiền.

Từ tháng 7/2017, ông Phan Anh M đã ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T18 toàn quyền đại diện với tư cách là Tổng Giám đốc Công ty theo Hợp đồng

ủy quyền lập ngày 20/7/2017 tại Văn phòng công chứng M T16. Do đó, từ khi lập Hợp đồng ủy quyền, ông Toàn là đại diện thực hiện các giao dịch của Công ty C4. Điều này khẳng định ông Phan Anh M không tự nguyện thực hiện ký kết các Hợp đồng ủy quyền, Biên bản bàn giao căn hộ. Bản án sơ thẩm không xem xét đến các tài liệu Phan Anh M bị ký khống và những người khác đã lợi dụng để thực hiện giao dịch với các văn bản ký khống này. Giấy tờ ký khống, người chiếm giữ trái phép con dấu đã dùng con dấu để đóng dấu lên các tài liệu này mà Phan Anh M không thể kiểm soát được.

Các Hợp đồng chuyển nhượng mua bán căn hộ với ông Bùi Đình T5, Nguyễn Mạnh T3 và bà Phạm Thị H2 đều thuộc Tòa tháp B thuộc quyền khai thác chuyển nhượng của Công ty C4, số tiền thu được đã chuyển vào tài khoản Công ty C4 và đã sử dụng vào việc nộp thuế, chi lương cho cán bộ nhân viên. Ông Phan Anh M hay ông Phan Anh C không chiếm đoạt để sử dụng riêng mà đây là một trong các chi phí hợp lý của Công ty theo quy định Luật Kế toán. Việc ký chuyển nhượng và thu tiền 300 căn Tòa tháp B thuộc quyền khai thác kinh doanh của Công ty C4 nên ông Phan Anh M xác định những người mua căn hộ có trong danh sách trình Tổng cục An ninh là có quyền sở hữu căn hộ. Ông M không lừa đảo, thu tiền của hai khách hàng đối với cùng một căn hộ.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến con dấu của Công ty C4 bị chiếm đoạt và các đối tượng không có chức năng nhiệm vụ đang chiếm giữ con dấu của Công ty. Ngoài ra, cần xem xét Hợp đồng ủy quyền theo quy định pháp luật dân sự. Việc ủy quyền không phải là chuyển nhượng tài sản. Do đó, không thể quy kết đã ủy quyền đồng thời là đã chuyển nhượng và cáo buộc ông Phan Anh M chuyển nhượng 02 lần đối với cùng một tài sản, không có tài liệu trong hồ sơ thể hiện các căn hộ ông Phan Anh M ký Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Đình T3 và bà Phạm Thị H2 và Công ty C4 thu tiền đã bị bán trùng căn.

Từ những phân tích nêu trên, cùng với những tình tiết khách quan khác trong vụ án, đủ căn cứ xác định các giao dịch đang có tranh chấp với các khách hàng liên quan đến mua bán căn hộ nêu trên là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ vụ án một cách khách quan, công bằng, tránh gây oan sai.

6. Các bị cáo nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Luật sư bào chữa, không tranh luận gì thêm.

Lời sau cùng bị cáo Phan Anh C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phan Anh M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ vụ án và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, kháng cáo của các bị cáo đều trong hạn và đúng thủ tục luật định, đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của đại diện Công ty N2 là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty N2.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy như sau:

Trong giai đoạn điều tra bị cáo Phan Anh C khẳng định Công ty C4 do C thành lập, Công ty đã nhiều lần thay đổi người đại diện, thay đổi người đứng tên cổ phần nhưng chỉ là hình thức, trên thực tế C là chủ sở hữu hoàn toàn, mọi hoạt động của Công ty C4 đều do C chỉ đạo, điều hành, C chứng kiến việc Phan Anh M ký Phụ lục hợp đồng số 07 ngày 09/10/2017, Hợp đồng ủy quyền và Biên bản bàn giao khách hàng mua căn hộ ngày 18/10/2017 giữa Công ty C4 và Công ty N2, C chỉ đạo Phan Anh M ký các hợp đồng bán 02 căn hộ cho ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Mạnh T3, đối với hợp đồng bán căn hộ cho bà Phạm Thị H2 thì bị cáo không chỉ đạo Phan Anh M ký.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phan Anh M, Phan Anh C đều khẳng định Công ty C4 không có chủ trương chuyển giao quyền kinh doanh 300 căn hộ thuộc tháp B dự án cho Công ty N2, từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2017 không tổ chức họp nội bộ công ty để bàn về chủ trương chuyển quyền kinh doanh cho Công ty N2, Phụ lục hợp đồng số 07 ngày 09/10/2017 và Hợp đồng ủy quyền và các Biên bản bàn giao ngày 18/10/2017 giữa Công ty C4 và Công ty N2 do Phan Anh M ký là bị ép buộc nên không có hiệu lực pháp luật, theo đó việc Phan Anh M với tư cách Giám đốc Công ty C4 ký hợp đồng bán căn hộ cho ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Mạnh T3 và bà Phạm Thị H2 là đúng thẩm quyền, hoàn toàn hợp pháp.

Lời khai của Phan Anh M trong giai đoạn điều tra khẳng định Công ty C4 thuộc sở hữu của Phan Anh C, mọi hoạt động của công ty đều do bị cáo C chỉ đạo, bị cáo chỉ là người ký các giấy tờ, tài liệu theo sự chỉ đạo của bị cáo C, trong đó bao gồm cả hợp đồng bán 02 căn hộ thuộc Tháp B của dự án cho ông Bùi Đình T5, ông Nguyễn Mạnh T3. Đối với Phụ lục hợp đồng số 07 ngày

09/10/2017, Hợp đồng ủy quyền cùng Biên bản bàn giao danh sách khách hàng mua căn hộ ngày 18/10/2017 giữa Công ty C4 và Công ty N2, bị cáo bị phía Công ty N2 ép ký. Đối với hợp đồng bán căn hộ cho bà Phạm Thị H2, bị cáo ký theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1 là kế toán của Công ty C4.

Lời khai của ông Phạm Văn T16, ông Nguyễn Văn T15, ông Trương Đắc M2, ông Nguyễn Thanh B8, ông Nguyễn Văn H6, ông Trần Ngọc H7, bà Hoàng Thị Kim O1, ông Hoàng Tuấn M1… đều khẳng định trong năm 2017 Công ty C4 và Công ty N2 thường X tổ chức họp định kỳ, trong các cuộc họp có đưa ra nội dung phía Công ty C4 sẽ giao cho Công ty N2 đứng ra bán hàng cho toàn bộ dự án vì Công ty C4 không có nhân lực để bán hàng, tháng 10/2017 Công ty C4 và Công ty N2 có tổ chức cuộc họp thống nhất nội dung Phụ lục hợp đồng số 07, có sự tham gia của Phan Anh C, Phan Anh M. Ngày 09/10/2017, Phan Anh M ký Phụ lục hợp đồng số 07, ngày 18/10/2017 Phan Anh M ký Hợp đồng ủy quyền cho Công ty N2 là đơn vị duy nhất được quyền kinh doanh 300 căn hộ thuộc tòa B của dự án, việc ký 02 văn bản này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Bà Nguyễn Thị P1 khai: lời khai tại cơ quan điều tra của bà P1 là tự nguyện, trung thực, không bị ép buộc. Công ty C4 trên thực tế thuộc sở hữu của Phan Anh C, mọi hoạt động của Công ty C4 đều do C điều hành, chỉ đạo. Bà P1 được C thuê làm Kế toán trưởng của Công ty C4, mọi công việc của bà tại Công ty C4 đều theo sự chỉ đạo của C, bà không biết việc Công ty C4 có chủ chương chuyển quyền kinh doanh 300 căn hộ thuộc Tháp B và có ký Phụ lục hợp đồng số 7, Hợp đồng ủy quyền và các tài liệu khác ngày 18/10/2017 hay không. Bà P1 có mặt theo yêu cầu của C khi ký hợp đồng với ông T5, ông T3; đối với hợp đồng với bà H2 thì bà P1 không trực tiếp làm các thủ tục, khi hoàn thiện các chứng từ thì bà mới biết việc ký hợp đồng. 03 hợp đồng ký với ông T5, ông T3, bà H2 đều diễn ra tại số 4 B1. Bà P1 có nhận 150.000.000 đồng trong tổng số tiền mà ông T3 và ông T5 nộp nhưng đó là Công ty C4 trả nợ bà do đã vay trước đó. Phan Anh C là người quản lý con dấu đóng trên các hợp đồng nêu trên.

- Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Thông, ông Nguyễn Ngọc T18 khai: giữa Công ty C4 và Công ty N2 có mâu thuẫn trong quá trình hợp tác, triển khai dự án. Có thời điểm có nhiều người đến Công ty C4 gây sức ép với Phan Anh M nhưng không xác định có phải là người do Công ty N2 cử đến hay không? Ông Thông, ông Toàn không chứng kiến việc Phan Anh M bị ép ký văn bản, tài liệu.

Như vậy: Căn cứ vào lời khai của Phan Anh C, Phan Anh M trong giai đoạn điều tra, lời khai của các cá nhân đứng tên cổ phần Công ty C4, lời khai của ông Phạm Văn T16, ông Nguyễn Văn T15, ông Trương Đắc M2, ông Nguyễn Thanh B8, ông Nguyễn Văn H6, ông Trần Ngọc H7, bà Hoàng Thị Kim O1, ông Hoàng Tuấn M1. Có đủ cơ sở xác định: Công ty C4 do Phan Anh C thành lập, Công ty nhiều lần thay đổi người đại diện và người đứng tên cổ phần,

nhưng việc thay đổi chỉ mang tính hình thức, trên thực tế Công ty C4 hoàn toàn thuộc sở hữu của Phan Anh C, toàn bộ hoạt động của Công ty C4 do bị cáo C chỉ đạo, điều hành. Công ty C4 được Ủy ban nhân dân Thành phố H1 giao làm chủ đầu tư dự án khu nhà ở cán bộ chiến sĩ Vụ Tổ chức Cán bộ - Tổng cục III - Bộ Công an. Ngày 30/5/2016, ông Hoàng Tuấn M1 đại diện cho Công ty N2 và Phan Anh M đại diện cho Công ty C4 ký Hợp số 16/CTVN-NMH/2016/HĐHTĐT hợp tác đầu tư cùng xây dựng phần cao tầng theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H1 phê duyệt gồm 02 tòa chung cư A và B mỗi tòa 35 tầng gồm 720 căn hộ. Quá trình thực hiện nội dung của Hợp đồng hợp tác đầu tư và thực hiện dự án, Công ty C4 và Công ty N2 đã ký kết nhiều phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng số 07 do Phan Anh M ký ngày 09/10/2017 có nội dung "*Trong trường hợp mỗi bên không có khả năng hoặc không thực hiện được việc huy động vốn vào tài khoản chung do 02 bên đã mở tại ngân hàng TMCP Q1 từ việc bán căn hộ hoặc khai thác mặt sàn thương mại dịch vụ, văn phòng trong phạm vi trách nhiệm của mỗi bên quá 02 kỳ thanh toán theo tiến độ xây dựng hoặc khi thi công xong kết cấu xây dựng đổ bê tông sàn tầng 15, cũng như không chủ động hoàn chỉnh các thủ tục để vay vốn ngân hàng giải ngân cho việc xây dựng công trình, có khả năng bị dừng thi công thì việc bán căn hộ, bán, cho thuê các mặt sàn xây dựng thuộc quyền, ủy quyền kinh doanh khai thác theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký được chuyển quyền và trách nhiệm cho bên kia (Bên còn lại trong hợp đồng hợp tác đầu tư) thực hiện để thu hồi vốn đầu tư và tiếp tục thi công xây dựng công trình đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo đưa công trình vào sử dụng theo tiến độ. Tuy nhiên việc ký kết các hợp đồng mua bán căn hộ, bán và cho thuê các mặt sàn xây dựng khác thuộc về chủ đầu tư dự án".* Do Công ty C4 không đáp ứng tiến độ huy động vốn nên ngày 18/10/2017 tại Hội trường Văn phòng Công ty C4, Phan Anh M và ông Hoàng Tuấn M1 đại diện cho hai Công ty ký Hợp đồng ủy quyền và Biên bản bàn giao khách hàng mua căn hộ. Theo Hợp đồng ủy quyền, Công ty N2 là đơn vị duy nhất được quyền kinh doanh, khai thác toàn bộ 300 căn hộ thuộc tòa B dự án, Công ty C4 không còn quyền kinh doanh nhưng được hưởng lợi 1,2 triệu đồng/m^2 toàn bộ diện tích sàn 300 căn hộ trên. Như vậy, kể từ ngày 18/10/2017, Công ty C4 không còn quyền kinh doanh 300 căn hộ thuộc tòa B của dự án. Việc ký Phụ lục hợp đồng số 07, Hợp đồng ủy quyền và Biên bản bàn giao khách hàng mua căn hộ ngày 18/10/2017 là tự nguyện, không bị ép buộc như lời khai của Phan Anh C và Phan Anh M.

Ngày 09/12/2017, theo chỉ đạo của Phan Anh C, Phan Anh M ký 02 hợp đồng bán căn hộ chung cư số B12A.11/CTVN-HĐ và số B-14.05/CTVN-HĐ đều thuộc tòa B của dự án cho ông Bùi Đình T5 và ông Nguyễn Mạnh T3, thu của ông T5, ông T3 tổng số tiền 1.156.402.000 đồng. Công ty N2 không biết Công ty C4 bán 02 căn hộ số B12A.11 và số B-14.05 nên ngày 19/5/2018 đã bán 02 căn hộ trên cho ông Đặng Xuân G. Ông G đã đóng 95% tiền mua mỗi căn hộ, căn hộ này đã được bàn giao và ông G cho người khác thuê sử dụng.

Ngày 14/12/2017, Phan Anh M ký hợp đồng bán căn hộ B11.07 cho bà Phạm Thị H2, bà H2 đã nộp tổng số 559.320.000 đồng theo hợp đồng. Phan Anh C khai không chỉ đạo Phan Anh M ký hợp đồng bán căn hộ B11.07 cho bà Phạm Thị H2. Phan Anh M khai ký hợp đồng bán căn hộ theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị P1. Căn cứ vào lời khai của bà Phạm Thị H2, bà Đoàn Thị X, bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Ngọc Thiện, ông Nguyễn Khánh T17, có đủ cơ sở xác định Phan Anh C chỉ đạo bán căn hộ B11.07 thuộc tòa B dự án cho bà Phạm Thị H2, Phan Anh M là người ký hợp đồng.

Phan Anh C, Phan Anh M biết rõ kể từ ngày 18/10/2017, Công ty C4 không còn quyền kinh doanh các căn hộ thuộc tòa B dự án, nhưng tháng 12/2017 Phan Anh C vẫn chỉ đạo Phan Anh M ký bán 03 căn hộ thuộc tòa B dự án cho các bị hại chiếm đoạt tổng số 1.715.722.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo Phan Anh C, Phan Anh M bị tòa án nhân dân Thành phố H1 xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt lớn nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo yêu cầu răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án, bị cáo Phan Anh C có vai trò chính, bị cáo Phan Anh M thực hiện hành vi phạm tội hoàn toàn theo sự chỉ đạo của bị cáo C, do đó Phan Anh C phải chịu trách nhiệm cao hơn Phan Anh M. Do đó tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phan Anh C 10 năm tù, Phan Anh M 8 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Phan Anh M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hơn nữa trong vụ án này các bị cáo Phan Anh C và Phan Anh M là hai bố con cùng bị xét xử trong cùng một vụ án; bị cáo chưa có tiền án tiền sự do đó Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

[4] Về việc đại diện Viện kiểm sát cho rằng hành vi của Phan Anh C và Phan Anh M có dấu hiệu của tội "Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức" chưa được cấp sơ thẩm điều tra xử lý là bỏ lọt tội phạm Hội đồng xét xử thấy như sau:

Ngày 29/12/2016, Công ty C4 làm thủ tục thay đổi mẫu dấu và thông báo về việc mất con dấu. Sau khi xác nhận Công ty C4 giả mạo hồ sơ thay đổi mẫu con dấu nên ngày 29/6/2017, Phòng đăng ký kinh doanh ra thông báo số 88/TB - ĐKKD về việc hủy bỏ nội dung đăng ký thay đổi mẫu dấu của Công ty C4. Quá trình khám xét tại số 4 B1, phường C2, quận H, TP H1, Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu liên quan đến dự án và 04 con dấu khác mang tên Công ty cổ

phần quốc tế C4. Kết quả giám định xác định các con dấu này không phải là con dấu hợp pháp của Công ty C4 nhưng cũng không phải là con dấu đóng trên Hợp đồng mua bán căn hộ của ông T5, ông T3. Quá trình điều tra không thu giữ được con dấu đóng lên các hợp đồng bán căn hộ cho ông T5, ông T3, bà H2. Cơ quan tra không khởi tố về hành vi làm giả con dấu, sử dụng con dấu giả đối với các bị cáo.

Do giới hạn của việc xét xử cũng như thời hạn tiến hành tố tụng có giới hạn, nhằm đảm bào vụ án được xét xử kịp thời nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ những nội dung trên. Nếu có căn cứ xác định Phan Anh C và Phan Anh M có dấu hiệu của tội "Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức" thì xử lý theo quy định pháp luật.

[5] Các tình tiết mà Luật sư bào chữa cho các bị cáo nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm đều là những tình tiết đã được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm.Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không đưa ra thêm được những chứng cứ tình tiết đặc biệt nào mới để xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Anh C, không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Anh M, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Phan Anh C không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Phan Anh M được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348, Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty TNHH N2.

2. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Phan Anh Cường. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phan Anh M, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 417/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 về hình phạt đối với bị cáo Phan Anh M, cụ thể như sau:

2.1. Tuyên bố các bị cáo Phan Anh C, Phan Anh M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. (Áp dụng thêm Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Anh C).

Xử phạt Phan Anh C 10 (mười) năm tù, tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án hình sự số 558/2019/HSPT ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2018, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2017 đến ngày 18/8/2018.

Xử phạt Phan Anh M 07 (bẩy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2021.

2.3. Buộc Phan Anh C phải trả lại bà Phạm Thị H2 số tiền 559.320.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Phan Anh C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Phan Anh M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 417/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H1 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân thành phố H1;
- Công an thành phố H1;
- Cục THADS thành phố H1;
- Trại giam S – Bộ Công an;
- Trại tạm giam số 1 – Công an TP H1;
- Các bị cáo (qua trại);
- Những người TGTTK (qua địa chỉ);
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)